

Bản án số: 45 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2024.

V/v: “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Kim Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Minh

Bà Mai Thị Hiền

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 20/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31A/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Phạm Thanh T** - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 21, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* **Chị Đinh Thị P** - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 21, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Thanh T trình bày:

Anh Phạm Thanh T và chị Đinh Thị P đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2013 tại UBND phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng nhau về quan điểm sống cũng như cách dạy con. Từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ tháng 7 năm 2023 anh T và chị P đã sống ly thân, từ khi ly thân anh T và chị P không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, anh T xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc anh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Đinh Thị P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Phạm Thanh T và chị Đinh Thị P có 01 người con chung: Cháu Phạm Thảo A sinh ngày 27/3/2014 . Khi ly hôn anh Phạm Thanh T có nguyện vọng xin được nuôi cháu A đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Mức thu nhập bình quân của anh T là 7.000.000 đồng/tháng. Hiện anh T đang bán hàng ăn tại phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Về tài sản chung: Anh Phạm Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đinh Thị P trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau luôn bất đồng về quan điểm sống cũng như cách nuôi dạy con trong cuộc sống hàng ngày, anh T thường xuyên không về nhà. Từ đó thường xuyên xảy ra cãi cọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè hoà giải nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được. Từ tháng 7 năm 2023 chị và anh T đã sống ly thân, từ khi ly thân anh chị không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh T đề nghị ly hôn chị P nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Đinh Thị P và anh Phạm Thanh T có 01 con chung là cháu Phạm Thảo A sinh ngày 27/3/2014. Khi ly hôn nguyện vọng của chị P xin được nuôi cháu A đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đồng/tháng

Mức thu nhập bình quân của chị P là 10.000.000đồng/ tháng. Chị P làm Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Quốc Tế Sáng Tân.

Về tài sản chung: Chị Đinh Thị P trình bày chị và anh Phạm Thanh T được cấp một mảnh đất tại tiểu khu đô thị số 3, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Nay chị Đinh Thị P muốn được chia mảnh đất đó nhưng mảnh đất đó chưa có mặt bằng nên chị P và anh T chưa thống nhất việc sẽ bán mảnh đất hoặc nhận đền bù vị trí khác đã có mặt bằng chị P không có quan điểm.

Sau khi chị P làm bản tự khai, Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng yêu cầu chị P làm bản tự khai bổ sung về tài sản ghi rõ cụ thể về tài sản... giá trị tài sản, chị và anh T tự thỏa thuận hay yêu cầu Toà án giải quyết nhưng chị P không có văn bản trả lời cũng không đến toà án làm bản tự khai bổ sung, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật: Anh Phạm Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với chị Đinh Thị P. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết về nội dung khởi kiện.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt trong đó: Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phạm Thanh T và chị Đinh Thị P tự nguyện tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau vào ngày 17/3/2013 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng nhau về quan điểm sống cũng như cách dạy con. Từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ tháng 7 năm 2023 anh T và chị P đã sống ly thân, từ khi ly thân anh T và chị P không quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Thanh T đối với chị Đinh Thị P.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung cháu Phạm Thảo Anh sinh ngày 27/3/2014. Khi ly hôn cả anh T và chị P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Anh cho đến khi trưởng thành. Xét việc giao nuôi con thì thấy hiện nay cả anh T và chị P đều có thu nhập ổn định làm việc tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Hiện nay cháu A đang ở với chị P. Mặt khác tại bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu A quan điểm của cháu A đề nghị được sống cùng mẹ là chị Đinh Thị P. Tuy nhiên xét nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ và độ tuổi của cháu còn nhỏ, cháu là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Việc giao cháu Anh cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp hơn do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Thảo A cho chị Đinh Thị P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa anh Phạm Thanh T nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thảo A cùng chị P mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Anh Phạm Thanh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Đinh Thị P trình bày chị và anh Phạm Thanh T được cấp một mảnh đất tại tiểu khu đô thị số 3, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Nay chị P muốn được chia mảnh đất đó nhưng mảnh đất đó chưa có mặt bằng nên chị và anh T chưa thống nhất việc sẽ bán mảnh đất hoặc nhận đền bù

vị trí khác đã có mặt bằng chị không có quan điểm. Quá trình giải quyết Toà án đã yêu cầu chị P làm bản tự khai bổ sung trình bày rõ về tài sản cụ thể ... giá trị tài sản và yêu cầu cung cấp chứng cứ, chị và anh T tự thỏa thuận hay yêu cầu Toà án giải quyết nhưng chị P không có văn bản trả lời cũng không đến toà án làm bản tự khai bổ sung, cũng không cung cấp chứng cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Phạm Thanh T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí việc cấp dưỡng nuôi con.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Thanh T được ly hôn chị Đinh Thị P. Quan hệ hôn nhân của anh Phạm Thanh T và chị Đinh Thị P được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thảo A sinh ngày 27/3/2014 cho chị Đinh Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Anh Phạm Thanh T phải cấp dưỡng tiền nuôi cho cháu A mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Anh Phạm Thanh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung chị P không được ngăn cản.

Kể từ ngày chị Đinh Thị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh Phạm Thanh T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Thanh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Phạm Thanh T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số: BLTU/23P số 0000574 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Anh Phạm Thanh T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS TP;
- UBND phường B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Kim Phụng